$module = 'T3dkei9';

$title = 'Form nhập khách hàng';

$idtabel = 'hot1';

$notshow = [ "a" => 1, "b" => 2]; drawform mai xem lại drawform, và manlist

## get\_info($conn,$tbname,$rules) : lấy ra thông tin chi tiết của 1 dòng record,trả về 1 object - $tbname là tên bảng,$rules là mảng chứa điều kiện,

Ví dụ : để lấy nhanh ra dòng dữ liệu trong bảng truye9z có id là 1

$id = "1";  
$ttct = get\_info($conn,"truye9z",**array**("Truye9z\_id" =>$id));

Contents

[query($conn,$sql) : trả về true,false 3](#_Toc497038703)

[select\_list($conn,$sql) : trả về 1 mảng kết quả từ câu lệnh sql,từ đó foreach để lấy ra từng kết quả 3](#_Toc497038704)

[select\_info($conn,$sql) : trả về 1 object kết quả 3](#_Toc497038705)

[getlist($conn,$tbname) : lấy nhanh danh sách các record trong 1 bảng – trả về 1 mảng kết quả 3](#_Toc497038706)

[getlist\_where($conn,$tbname,$rules) : lấy danh sách các record trong 1 bảng với điều kiện là mảng $rules – trả về 1 mảng kết quả 3](#_Toc497038707)

[get\_info($conn,$tbname,$rules) : lấy ra thông tin chi tiết của 1 dòng record,trả về 1 object - $tbname là tên bảng,$rules là mảng chứa điều kiện, 3](#_Toc497038708)

[lastinsertid($conn) : trả về id cuối cùng đã insert 3](#_Toc497038709)

[get\_total($conn,$tbname) : lấy ra tổng số record trong 1 bảng 3](#_Toc497038710)

[get\_total\_where($conn,$tbname,$rules) : lấy ra tổng số record trong 1 bảng với các điều kiện nhất định 3](#_Toc497038711)

[insertdb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh insert 3](#_Toc497038712)

[updatedb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh update 4](#_Toc497038713)

[deletedb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh delete 4](#_Toc497038714)

[drawform($conn, $module, $option, $l = 3,$notshow) : Vẽ form $module là module cần vẽ, $option là array để định nghĩ tham số cho các input vd $option = array(‘Abcrd\_kjah’=>’class=”test”’); $l là độ ài của ô, $notshow là định nghĩa các trường dữ liệu không được vẽ ra 5](#_Toc497038715)

[getrowall($conn, $code, $value, $like) : Lấy giá trị trả ra 1 array như câu lệnh where $code là code trường dữ liệu, $value là giá trị để tìm kiếm, $like = yes thì là dùng where like 5](#_Toc497038716)

[makedatanl($conn, $module, $datain) : dùng để lọc ra các dữ liệu cần cho 1 module từ 1 array dữ liệu, ví dụ lấy $datain là $\_GET thì đầu ra là 1 array các dữ liệu cần cho module được định nghĩa có thể dùng luôn để insert hay update và loại bỏ các giá trị ko có của module đó, và không lookup với trường dữ liệu loại lựa chọn hoặc liên kết chức năng 5](#_Toc497038717)

[makedatal($conn, $module, $datain) : dùng để lọc ra các dữ liệu cần cho 1 module từ 1 array dữ liệu, ví dụ lấy $datain là $\_GET thì đầu ra là 1 array các dữ liệu cần cho module được định nghĩa có thể dùng luôn để insert hay update và loại bỏ các giá trị ko có của module đó, có lookup với trường dữ liệu loại lựa chọn hoặc liên kết chức năng ví dụ dữ liệu đầu vào trong datain là “Đang tư vấn” thì giá trị đầu ra sẽ là ID của ô đó 5](#_Toc497038718)

[uploadfile($code, $module, $Id, $name, \_\_FILE\_\_) : Hỗ trợ upload file lên hệ thống $code là mã truy cập, $module là module, $Id là giá trị cột Id của dòng dữ liệu, $name là name của ô input, 5](#_Toc497038719)

[getlistfile($code, $module, $Id, \_\_FILE\_\_) : Lấy danh sách file của 1 record. $code là mã truy cập, $module là module, $Id là giá trị cột Id của dòng dữ liệu 5](#_Toc497038720)

[selectpwa($conn, $code, $title,$option) : Vẽ ô lựa chọn cho liên kết chức năng có thể thêm mới luôn dữ liệu lựa chọn. $code là code trường dữ liệu liên kết chức năng, $title là tiêu đề modal khi thêm, $option để echo tham số cho input 5](#_Toc497038721)

[updatebgetpostml($conn, $sqlarr, $varg, $varp) : thực thi nhiều cầu lệnh sql từ giá trị của get post. $sqlarr là mảng các câu lệnh sql, $varg là mảng các input từ get, $varp là mảng các input từ post 5](#_Toc497038722)

[ntable($conn, $data, $title, $col, $datas, $id, $idb, $rep) : Vẽ bảng dữ liệu. $data là mảng dữ liệu để hiển thị, $title là tiêu đề bảng, $col để in tiêu đề từng cột theo tứ tự, $datas là array các cột dữ liệu để in ra theo thứ tự lấy từ $data, $id là dùng để thay thế giá trị khi phần tử $datas là action ví dụ <a href="*/abc/edit/@$id@*">*sửa*</a>sẽ được thay bằng giá trị phần tử tương ứng trong data,$idb là id của bảng dữ liệu, $rep giống $id nhưng được định nghĩa là mảng để dùng nhiều trường hơn 6](#_Toc497038723)

[drawformandlist($conn, $cdata, $iddata, $idsua, $idbtadd, $fname, $onadd) : Dùng để vẽ form kèm theo bảng dữ liệu bên dưới để add nhiều một lúc trước khi submit lên server. 8](#_Toc497038724)

[$cdata là mảng các cột dữ liệu 8](#_Toc497038725)

[$iddata : là id của ô ẩn dùng để chứa dữ liệu của bảng 8](#_Toc497038726)

[$idsua : là Id của ô ẩn dùng khi sửa dữ liệu 8](#_Toc497038727)

[$idbtadd : là id của ô submit 8](#_Toc497038728)

[$fname : là 1 text tùy ý dùng để tạo tên các function javacsript 8](#_Toc497038729)

[$onadd : là 1 đoạn script được thực thi sau khi thêm hoặc sửa bảng 8](#_Toc497038730)

[selectbox5($conn, $code, $option, $l) : Vẽ trường dữ liệu lựa chọn $code là code trường dữ liệu $option là để echo option cho input, $l là độ dài cột 11](#_Toc497038731)

[drawtablejs($conn, $module, $title, $idtabel, $column) : Vẽ bảng hansontable $module là module, $title là tiêu đề bảng, $idtable là id của bảng, $column là tên hiển thị của các cột 11](#_Toc497038732)

[insertjson($conn, $module, $column, $defaultv) : Để insert cho hansontable, $module là tên bảng cần insert giá trị json sẽ được lấy từ $\_POST[$module]. $column là các cột Được insert phải theo đúng thứ tự khi vễ hansontable, $defaultv array các giá trị mặc định 11](#_Toc497038733)

**<?php  
require\_once** "tit.php";  
$conn= **new** titAuth($servername,$username,$password,$dbname);

**CÁC BIẾN CƠ BẢN**

**$today** : trả về ngày giờ hiện tại

**$datetoday** : trả về ngày hiện tại

**$timenow** : trả về giờ hiện tại

**$curhost** : trả về domain hiện tại

**$curlink** : trả về url hiện tại

**Các function**

* **Làm việc với database :**

## query($conn,$sql) : trả về true,false

Ví dụ :

## select\_list($conn,$sql) : trả về 1 mảng kết quả từ câu lệnh sql,từ đó foreach để lấy ra từng kết quả

Ví dụ :

## select\_info($conn,$sql) : trả về 1 object kết quả

Ví dụ :

## getlist($conn,$tbname) : lấy nhanh danh sách các record trong 1 bảng – trả về 1 mảng kết quả

Ví dụ :

## getlist\_where($conn,$tbname,$rules) : lấy danh sách các record trong 1 bảng với điều kiện là mảng $rules – trả về 1 mảng kết quả

Ví dụ :

## get\_info($conn,$tbname,$rules) : lấy ra thông tin chi tiết của 1 dòng record,trả về 1 object - $tbname là tên bảng,$rules là mảng chứa điều kiện,

Ví dụ : để lấy nhanh ra dòng dữ liệu trong bảng truye9z có id là 1

$id = "1";  
$ttct = get\_info($conn,"truye9z",**array**("Truye9z\_id" =>$id));

Lúc này biến ttct chứa tất cả dữ liệu của dòng có id là 1.Ví dụ để lấy thông tin trường id,sử dụng **$ttct['Truye9z\_id']**

## lastinsertid($conn) : trả về id cuối cùng đã insert

Ví dụ :

## get\_total($conn,$tbname) : lấy ra tổng số record trong 1 bảng

Ví dụ :

## get\_total\_where($conn,$tbname,$rules) : lấy ra tổng số record trong 1 bảng với các điều kiện nhất định

Ví dụ :

## insertdb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh insert

*$insertdata = array(*

*"" =>*

*);*

*insertdb($conn,"",$insertdata);*

Ví dụ :

## updatedb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh update

$updatedata = array(

"" =>

);

$wheredata = array(

"" =>

);

updatedb($conn,"",array("where" => $wheredata,"data" => $updatedata));

Ví dụ :

## deletedb($conn,$tbname,$data) : thực hiện câu lệnh delete

Ví dụ :

mkjfin($nf,$field,$action) : Tạo Json cho front end bằng cách lấy giá trị từ các ô input được định nghĩa trong $field. $nf là tên function của javascript, $field là array các id của các input được lấy, $action là đoạn javascript chạy sau khi lấy được dữ liệu

## drawform($conn, $module, $option, $l = 3,$notshow) : Vẽ form $module là module cần vẽ, $option là array để định nghĩ tham số cho các input vd $option = array(‘Abcrd\_kjah’=>’class=”test”’); $l là độ ài của ô, $notshow là định nghĩa các trường dữ liệu không được vẽ ra

## getrowall($conn, $code, $value, $like) : Lấy giá trị trả ra 1 array như câu lệnh where $code là code trường dữ liệu, $value là giá trị để tìm kiếm, $like = yes thì là dùng where like

## makedatanl($conn, $module, $datain) : dùng để lọc ra các dữ liệu cần cho 1 module từ 1 array dữ liệu, ví dụ lấy $datain là $\_GET thì đầu ra là 1 array các dữ liệu cần cho module được định nghĩa có thể dùng luôn để insert hay update và loại bỏ các giá trị ko có của module đó, và không lookup với trường dữ liệu loại lựa chọn hoặc liên kết chức năng

## makedatal($conn, $module, $datain) : dùng để lọc ra các dữ liệu cần cho 1 module từ 1 array dữ liệu, ví dụ lấy $datain là $\_GET thì đầu ra là 1 array các dữ liệu cần cho module được định nghĩa có thể dùng luôn để insert hay update và loại bỏ các giá trị ko có của module đó, có lookup với trường dữ liệu loại lựa chọn hoặc liên kết chức năng ví dụ dữ liệu đầu vào trong datain là “Đang tư vấn” thì giá trị đầu ra sẽ là ID của ô đó

## uploadfile($code, $module, $Id, $name, \_\_FILE\_\_) : Hỗ trợ upload file lên hệ thống $code là mã truy cập, $module là module, $Id là giá trị cột Id của dòng dữ liệu, $name là name của ô input,

## getlistfile($code, $module, $Id, \_\_FILE\_\_) : Lấy danh sách file của 1 record. $code là mã truy cập, $module là module, $Id là giá trị cột Id của dòng dữ liệu

## selectpwa($conn, $code, $title,$option) : Vẽ ô lựa chọn cho liên kết chức năng có thể thêm mới luôn dữ liệu lựa chọn. $code là code trường dữ liệu liên kết chức năng, $title là tiêu đề modal khi thêm, $option để echo tham số cho input

updatebgetpostml($conn, $sqlarr, $varg, $varp) : thực thi nhiều cầu lệnh sql từ giá trị của get post. $sqlarr là mảng các câu lệnh sql, $varg là mảng các input từ get, $varp là mảng các input từ postvd $sqlarr=array(‘SELECT \* FROM abc WHERE abc\_123 = @input1@’)

$varg = array(‘input1’) sẽ thực thi câu lệnhSELECT \* FROM abc WHERE abc\_123 = Giá trị input1 từ get

## ntable($conn, $data, $title, $col, $datas, $id, $idb, $rep) : Vẽ bảng dữ liệu. $data là mảng dữ liệu để hiển thị, $title là tiêu đề bảng, $col để in tiêu đề từng cột theo tứ tự, $datas là array các cột dữ liệu để in ra theo thứ tự lấy từ $data, $id là dùng để thay thế giá trị khi phần tử $datas là action ví dụ <a href="*/abc/edit/@$id@*">*sửa*</a>sẽ được thay bằng giá trị phần tử tương ứng trong data,$idb là id của bảng dữ liệu, $rep giống $id nhưng được định nghĩa là mảng để dùng nhiều trường hơn

VD :<?php

require\_once "tit.php";

$conn = new titAuth($servername,$username,$password,$dbname);

$sql = 'SELECT \* FROM t3dkei9 INNER JOIN (tglb1ds) ON (t3dkei9.T3dkei9\_6WMLou = tglb1ds.Tglb1ds\_id)

WHERE T3dkei9\_6WMLou = 6

';

$title = 'Danh sách khách hàng chưa chuyển';

$col = array (

array('show' => 'Họ tên','type' => 'text'),

array('show' => 'SDT','type'=>'text'),

array('show' => 'Email','type'=>'text'),

array('show' => 'Ngày tạo','type'=>'text'),

array('show' => 'Chuyển','type'=>'text'),

);

$datas = array(

array('show' => 'T3dkei9\_YPe2rW','type'=>'text'),

array('show' => 'T3dkei9\_oB4P91','type'=>'text'),

array('show' => 'T3dkei9\_14BjsR','type'=>'text'),

array('show' => 'T3dkei9\_crd','type'=>'text'),

array('show' => '<button onclick="loadDoc(@T3dkei9\_id@)">Chuyển</button>','type'=>'action'),

);

$id = 'T3dkei9\_id';

$idb = 'bang1';

$data = select\_list($conn,$sql);

$sql2 = 'update t3dkei9 set T3dkei9\_6WMLou = 7 where T3dkei9\_id = @id@';

$var = array(

'id',

);

?>

<script>

function loadDoc(i) {

var xhttp = new XMLHttpRequest();

xhttp.onreadystatechange = function() {

if (this.readyState == 4 && this.status == 200) {

location.reload();

}

};

xhttp.open("GET", "/tkbienh?action=yes&id="+i, true);

xhttp.send();

}

</script>

<?php if (isset($\_GET['action'])) {

updatebget($conn, $sql2,$var);

}

ntable($conn, $data,$title,$col,$datas,$id,$idb,null);

?>

## drawformandlist($conn, $cdata, $iddata, $idsua, $idbtadd, $fname, $onadd) : Dùng để vẽ form kèm theo bảng dữ liệu bên dưới để add nhiều một lúc trước khi submit lên server.

## $cdata là mảng các cột dữ liệu

## $iddata : là id của ô ẩn dùng để chứa dữ liệu của bảng

## $idsua : là Id của ô ẩn dùng khi sửa dữ liệu

## $idbtadd : là id của ô submit

## $fname : là 1 text tùy ý dùng để tạo tên các function javacsript

## $onadd : là 1 đoạn script được thực thi sau khi thêm hoặc sửa bảng

VD :

<?php

require\_once "tit.php";

$conn = new titAuth($servername, $username, $password, $dbname);

$cdata = array(

array(

'name'=>'tencongviecchitiet',

'id'=>'tencongviecchitiet',

'show'=>'Công việc chi tiết',

'type'=>'text',

'wid'=>3,

'option'=>'onchange="themfname()"',

'reset' => 'yes', // kiểu sau khi load lại trang có để lại là yes, mất đi là no

'require' => 'no', // bắt buộc điền hay k

),

array(

'name'=>'tencongviecchitiet12',

'id'=>'tencongviecchitiet12',

'show'=>'Công việc chi tiết aaaa',

'type'=>'time',

'wid'=>3,

'option'=>'',

'reset' => 'yes',

'require' => 'no',

),

array(

'name'=>'abc',

'id'=>'abc',

'show'=>'ko biet',

'type'=>'date',

'wid'=>3,

'option'=>'',

'reset' => 'yes',

'require' => 'no',

),

array(

'type'=>'chose',

'show'=>'Loại',

'code'=>'Ti8lxup\_3oFmw4',

'id'=>'Ti8lxup\_3oFmw4',

'wid'=>2,

'option'=>'',

'mt'=>3,

'reset' => 'no',

'require' => 'no',

),

array(

'type'=>'hidden',

'show'=>'Links',

'id'=>'Links',

'wid'=>2,

'option'=>'readonly',

'mt'=>3,

'reset' => 'no',

'require' => 'no',

),

);

$onadd = 'document.getElementById("tencongviecchitiet").focus();';

drawformandlist($conn, $cdata, 'aaaaaa','idsua','idbtadd','fname',$onadd);

?>

<script>

document.getElementById("tencongviecchitiet").focus();

</script>

## selectbox5($conn, $code, $option, $l) : Vẽ trường dữ liệu lựa chọn $code là code trường dữ liệu $option là để echo option cho input, $l là độ dài cột

## drawtablejs($conn, $module, $title, $idtabel, $column) : Vẽ bảng hansontable $module là module, $title là tiêu đề bảng, $idtable là id của bảng, $column là tên hiển thị của các cột

## insertjson($conn, $module, $column, $defaultv) : Để insert cho hansontable, $module là tên bảng cần insert giá trị json sẽ được lấy từ $\_POST[$module]. $column là các cột Được insert phải theo đúng thứ tự khi vễ hansontable, $defaultv array các giá trị mặc định

VD

<?php require\_once "tit.php";

$conn = new titAuth($servername,$username,$password,$dbname);

$module = 'T3dkei9';

$title = 'Form nhập khách hàng';

$idtabel = 'hot1';

$bt = 'Upload dữ liệu';

$column = array(

"T3dkei9\_YPe2rW",

"T3dkei9\_oB4P91",

"T3dkei9\_14BjsR",

"T3dkei9\_ktinVa",

"T3dkei9\_xmk1Nb",

);

$defaultv = array(

array ('code'=>'T3dkei9\_6WMLou','value'=>'6')

);

?>

<div class="box">

<div class="box-header with-border">

<h3 class="box-title"><?php echo $title; ?></h3>

<div class="box-tools pull-right">

<button type="button" class="btn btn-box-tool" data-widget="collapse"><i class="fa fa-minus"></i>

</button>

</div><!-- /.box-tools -->

</div><!-- /.box-header -->

<div class="box-body">

<div id="<?php echo $idtabel; ?>show"></div>

<form id="dulieu">

<input type="hidden" name="<?php echo $module; ?>" id="<?php echo $module; ?>">

<div class="row">

<div class="col-lg-3" style="height:85px">

<div class="form-group"><button type="submit" id='sm' class="btn btn-primary btn-sm"><?php echo $bt; ?></button>

</div>

</div>

</div>

</form>

<script>

$(function(){

$('#dulieu').on('submit', function (e) {

e.preventDefault();

var chitiet = JSON.stringify(hot1.getData());

document.getElementById("<?php echo $module; ?>").value = chitiet;

document.getElementById("sm").disabled = true;

var formData = new FormData($(this)[0]);

$.ajax({

type: 'post',

url: '/tmkt',

data: formData,

async: false,

cache: false,

contentType: false,

processData: false,

success: function (data) {

alert("Nhập dữ liệu thành công!");

location.reload();

}

}); //End Ajax

}); //End submit

});

</script>

</div><!-- /.box-body -->

<div class="box-footer">

</div><!-- /.box-body -->

</div><!-- /.box -->

<?php

drawtablejs($conn, $module, $title, $idtabel , $column);

insertjson($conn, $module,$column,$defaultv);

?>

## getjsondata($field,$sql,$conn) : lấy dữ liệu ra là json,tham số truyền vào là GET

<?php

require\_once "tit.php";

$conn = new titAuth($servername,$username,$password,$dbname);

$field = array('module');

$sql = 'SELECT \* FROM @module@';

$this->layout('Student/layout2');

getjsondata($field,$sql,$conn);

?>